BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84 /2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2039
ĐẾN Ngày: 23.6.16
Chuyển: Hải Quân

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, tiền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là các khoản thuế và thu nội địa), không bao gồm các khoản thu nộp phát sinh tại khâu xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Cơ quan thuế bao gồm: Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế.

c) Cơ quan kho bạc nhà nước bao gồm: Kho bạc Nhà nước; Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng giao dịch Kho bạc Nhà nước thuộc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; Kho bạc Nhà nước huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

d) Ngân hàng bao gồm: Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động theo pháp luật các tổ chức tín dụng có liên quan đến việc thu nộp các khoản thuế và thu nội địa.

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu nộp các khoản thuế và thu nội địa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế là hệ thống kết nối, trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý thu ngân sách nhà nước và thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử do Tổng cục Thuế quản lý.

2. Cổng trao đổi thông tin của ngân hàng là hệ thống kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa ngân hàng với Tổng cục Thuế.

3. *Cơ quan quản lý thu* là cơ quan thuế có trách nhiệm theo dõi, quản lý các khoản thuế và thu nội địa phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4. *Danh mục dùng chung* là các danh mục thông tin phục vụ thu ngân sách nhà nước, bao gồm: Danh mục cơ quan kho bạc nhà nước, danh mục cơ quan thuế, danh mục ngân hàng uỷ nhiệm thu, danh mục ngân hàng phối hợp thu, danh mục mã tài khoản thu ngân sách nhà nước, danh mục mã chương, danh mục mã tiểu mục (mã nội dung kinh tế).

5. *Dữ liệu về người nộp thuế* là thông tin quản lý người nộp thuế của cơ quan thuế, bao gồm: Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ, mã chương, tên và mã cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

6. *Dữ liệu về khoản thuế* là thông tin liên quan đến các khoản nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước, bao gồm: tên khoản phải nộp, số tiền phải nộp, số quyết định/ thông báo của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản phải nộp (nếu có), kỳ thuế, tên tài khoản nộp ngân sách nhà nước, mã và tên chương, mã và tên

tiểu mục, mã và tên cơ quan quản lý thu, mã và tên cơ quan kho bạc nhà nước hạch toán thu.

7. *Ngân hàng chưa phối hợp thu* là ngân hàng chưa ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Thuế.

8. *Ngân hàng phối hợp thu* là ngân hàng đã ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Thuế (hoặc với Tổng cục Thuế và Kho bạc Nhà nước).

9. *Ngân hàng ủy nhiệm thu* là ngân hàng đã ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Kho bạc Nhà nước và có tài khoản chuyên thu hoặc tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng.

10. *Nộp thuế điện tử* là hình thức nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua các kênh giao dịch thanh toán điện tử của ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

11. *Thời điểm "cut off time"* là thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày giữa Kho bạc Nhà nước và ngân hàng ủy nhiệm thu, được quy định là 16 giờ 00 của ngày làm việc.

Trường hợp cần thiết thay đổi thời gian giao dịch của ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước chủ trì phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu để thống nhất thời điểm *"cut off time"* của ngày làm việc đó.

Điều 3. Ngày nộp thuế

1. Trường hợp nộp thuế qua giao dịch điện tử, ngày nộp thuế là ngày hệ thống thanh toán của ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế/ người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ nộp thuế điện tử.

2. Trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại quầy giao dịch, ngày nộp thuế là ngày ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước thu tiền mặt hoặc trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế/người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ cấp cho người nộp thuế/người nộp thay.

3. Trường hợp nộp thuế qua tổ chức uỷ nhiệm thu thuế, ngày nộp thuế là ngày người nộp thuế/người nộp thay nộp tiền mặt cho tổ chức uỷ nhiệm thu thuế, hoặc ngày thực hiện giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế/người nộp thay để nộp thuế và được ghi nhận trên biên lai, chứng từ do tổ chức uỷ nhiệm thu thuế cấp cho người nộp thuế/người nộp thay.

Điều 4. Trao đổi thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước

1. Cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng uỷ nhiệm thu sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong việc trao đổi danh mục dùng chung, dữ liệu về người nộp thuế, dữ liệu về khoản thuế, số thuế

đã thu nộp ngân sách nhà nước. Trường hợp có sự cố kỹ thuật không áp dụng được phương thức giao dịch điện tử, các bên tạm thời trao đổi thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức phù hợp khác để bảo đảm có thông tin, dữ liệu kịp thời phục vụ công tác quản lý thu nộp ngân sách nhà nước.

2. Thông tin thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng thông điệp điện tử trao đổi giữa các bên liên quan phải đáp ứng yêu cầu:

a) Có đầy đủ tiêu chí theo quy định của Thông tư này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

b) Được ký bằng chữ ký điện tử và áp dụng phương án bảo mật.

3. Chữ ký điện tử ký trên thông điệp điện tử:

a) Do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; Có hiệu lực trong thời gian các bên kết nối, trao đổi thông tin điện tử.

b) Được thông báo bằng văn bản để các bên liên quan (cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng) chấp nhận trong các giao dịch điện tử liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp thay đổi chữ ký điện tử, đơn vị sử dụng chữ ký điện tử có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các bên liên quan trước ngày chữ ký điện tử mới có hiệu lực ít nhất 15 ngày .

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng, người nộp thuế trong thực hiện thu nộp ngân sách nhà nước

1. Trách nhiệm của cơ quan thuế

a) Cập nhật kịp thời các thông tin về danh mục dùng chung, dữ liệu về người nộp thuế, dữ liệu về khoản thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Phối hợp với ngân hàng để ký và thực hiện thoả thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước.

c) Hỗ trợ ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước về nghiệp vụ và kỹ thuật trong quá trình triển khai phối hợp thu ngân sách nhà nước.

d) Cấp tài khoản giao dịch nộp thuế điện tử cho người nộp thuế theo quy định của Bộ Tài chính về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; hướng dẫn người nộp thuế trong việc lập bảng kê nộp thuế hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; cung cấp cho người nộp thuế dữ liệu về khoản thuế để phục vụ việc lập chứng từ nộp tiền đầy đủ và chính xác; xác nhận số thuế đã nộp theo đề nghị của người nộp thuế.

đ) Tiếp nhận thông tin về số thuế đã nộp từ cơ quan kho bạc nhà nước và các ngân hàng để phục vụ công tác quản lý thuế; thực hiện tra soát các khoản thu

nộp với cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng, người nộp thuế; xử lý các vấn đề sai sót liên quan đến các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

e) Phối hợp với cơ quan kho bạc nhà nước trong việc đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số đã nộp ngân sách nhà nước trước khi khóa sổ kế toán thuế.

g) Xem xét đình chỉ hoặc chấm dứt việc tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước với ngân hàng nếu ngân hàng không đáp ứng thỏa thuận phối hợp thu ngân sách nhà nước hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý thuế.

2. Trách nhiệm của cơ quan kho bạc nhà nước

a) Cung cấp kịp thời cho Tổng cục Thuế danh mục ngân hàng uỷ nhiệm thu; cung cấp cho cơ quan quản lý thu về cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận và hạch toán khoản thu ngân sách nhà nước đối với trường hợp cơ quan kho bạc nhà nước hạch toán khoản thu không đồng cấp với cơ quan quản lý thu.

b) Sử dụng thông tin thu nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế cung cấp để thu tiền từ người nộp thuế và hạch toán thu ngân sách nhà nước.

c) Hướng dẫn người nộp thuế kê khai các thông tin nộp thuế trên bảng kê nộp thuế; cấp chứng từ xác nhận đã nộp thuế vào ngân sách nhà nước có đầy đủ chữ ký và dấu xác nhận của cơ quan kho bạc nhà nước khi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp thuế với cơ quan kho bạc nhà nước; cấp chứng từ nộp thuế phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp thuế có chữ ký và dấu xác nhận của cơ quan kho bạc nhà nước theo đề nghị của người nộp thuế.

d) Tiếp nhận thông tin thu thuế từ ngân hàng uỷ nhiệm thu, kiểm soát số thuế đã thu nộp thông qua tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng; phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu xử lý sai sót trong việc tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước.

đ) Cung cấp thông tin về số thuế đã thu theo cơ quan quản lý thu, bảo đảm đầy đủ thông tin để hạch toán trừ nợ cho người nộp thuế, ghi nhận đúng ngày nộp thuế của người nộp thuế; cung cấp số thu nội địa không do cơ quan thuế quản lý trên địa bàn để cơ quan thuế đồng cấp tổng hợp số thu nội địa trên địa bàn cấp huyện/cấp tỉnh; thực hiện đối chiếu số thu nội địa với cơ quan thuế trước khi khóa sổ kế toán thu ngân sách theo tháng và năm ngân sách.

e) Thực hiện tra soát, xử lý sai sót thông tin thu nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế, ngân hàng ủy nhiệm thu.

g) Hỗ trợ cơ quan thuế, ngân hàng ủy nhiệm thu về nghiệp vụ và kỹ thuật trong quá trình phối hợp thu ngân sách nhà nước.

3. Trách nhiệm của ngân hàng ủy nhiệm thu, ngân hàng phối hợp thu

a) Khai thác và bảo mật thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Thực hiện thoả thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước đã ký với Tổng cục Thuế (hoặc với Tổng cục Thuế và Kho bạc Nhà nước).

c) Hướng dẫn người nộp thuế kê khai các thông tin nộp thuế trên bảng kê nộp thuế; cấp chứng từ nộp thuế vào ngân sách nhà nước có chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt chứng từ nộp thuế; cấp chứng từ nộp thuế phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp thuế theo đề nghị của người nộp thuế.

d) Chuyển tiền thanh toán các khoản thu ngân sách nhà nước vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định. Trường hợp ngân hàng chuyển thiếu, chuyển chậm tiền thuế đã thu vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước thì ngân hàng phải chuyển đủ số thuế đã thu vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước, đồng thời chịu trách nhiệm trả tiền chậm nộp cho khoản tiền thuế bị chuyển thiếu, chuyển chậm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Ngân hàng ủy nhiệm thu tập hợp đầy đủ thông tin trên chứng từ nộp thuế để chuyển sang cơ quan kho bạc nhà nước; ghi nhận đúng ngày nộp thuế của người nộp thuế; bổ sung các thông tin thu thuế (mã cơ quan kho bạc nhà nước, mã cơ quan quản lý thu, mã tài khoản thu ngân sách, mã chương, mã tiểu mục) và hạch toán số thuế đã thu vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước.

e) Ngân hàng phối hợp thu chuyển thông tin nộp thuế và tiền thuế đã thu sang ngân hàng uỷ nhiệm thu.

g) Thực hiện tra soát, xử lý sai sót thông tin thu nộp ngân sách nhà nước với cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan thuế, người nộp thuế, ngân hàng phục vụ người nộp thuế theo yêu cầu nghiệp vụ phát sinh.

4. Trách nhiệm của ngân hàng chưa phối hợp thu

Thực hiện đầy đủ, chính xác các nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

a) Cấp chứng từ nộp thuế cho người nộp thuế khi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp thuế với ngân hàng; cấp chứng từ nộp thuế phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp thuế theo đề nghị của người nộp thuế.

b) Thực hiện giao dịch thanh toán kịp thời, an toàn, chính xác theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán theo quy định; điều chỉnh kịp thời sai sót của giao dịch thanh toán trong trường hợp thực hiện không đúng yêu cầu theo lệnh thanh toán của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán; phối hợp với ngân hàng hoặc cơ quan kho bạc nhà nước có liên quan để thu hồi số tiền chuyển nhầm, chuyển thừa khi thực hiện các giao dịch thanh toán theo quy định của pháp luật; bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp tra soát, xử lý sai sót theo đề nghị của người nộp thuế hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu.

5. Trách nhiệm của người nộp thuế

a) Nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; thực hiện đăng ký, nộp thuế điện tử tại các địa bàn đã được cơ quan thuế, ngân hàng cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử.

b) Khai đầy đủ, chính xác các thông tin thuộc trách nhiệm người nộp thuế phải khai trên bảng kê nộp thuế hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

c) Phối hợp với ngân hàng hoặc cơ quan thuế đối chiếu thông tin, xử lý sai sót (nếu có) trong việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

d) Theo dõi thông tin nộp tiền vào ngân sách nhà nước qua thư điện tử hoặc tài khoản giao dịch thuế điện tử tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Chương II

THỦ TỤC THU NỘP THUẾ

Mục 1. Thủ tục nộp thuế điện tử

Điều 6. Lập chứng từ nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

Người nộp thuế đăng nhập hệ thống nộp thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế bằng tài khoản giao dịch thuế điện tử được cơ quan thuế cấp (theo quy định tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế) để lập chứng từ nộp thuế.

Người nộp thuế chọn nộp tiền theo một trong hai trường hợp: "Lập giấy nộp tiền" hoặc "Lập giấy nộp tiền nộp thay" và kê khai thông tin cụ thể trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (mẫu số C1-02/NS ban hành kèm theo Thông tư này) như sau:

1. Thông tin loại tiền nộp thuế:

- Chọn ô "VND" trên chứng từ nộp tiền trong trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam.

- Chọn ô "USD" hoặc ghi thông tin loại ngoại tệ khác trên chứng từ nộp tiền trong trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng đồng Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về người nộp thuế và người nộp thay:

- Trường hợp chọn "Lập giấy nộp tiền", hệ thống tự động hiển thị thông tin người nộp thuế, gồm: tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế theo tài khoản đăng nhập.

- Trường hợp chọn "Lập giấy nộp tiền nộp thay", hệ thống tự động hiển thị thông tin người nộp thay, gồm: tên, địa chỉ của người nộp thay theo tài khoản đăng nhập. Người nộp thay phải kê khai thông tin của người nộp thuế, gồm: tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế.

3. Thông tin ngân hàng/Kho bạc Nhà nước và tài khoản trích tiền nộp thuế: Chọn ngân hàng và tài khoản theo danh sách đã đăng ký để nộp thuế điện tử.

4. Thông tin nộp ngân sách nhà nước:

Người nộp thuế chọn ô "TK thu NSNN" hoặc "TK thu hồi hoàn thuế GTGT" như sau:

- Chọn ô "TK thu NSNN" đối với trường hợp nộp các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt hoặc các khoản nộp khác vào ngân sách nhà nước.

- Chọn ô "TK thu hồi hoàn thuế GTGT" đối với trường hợp nộp trả lại ngân sách nhà nước số tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc người nộp thuế tự phát hiện đã được hoàn sai so với quy định; không bao gồm nộp trả lại số tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo trường hợp nộp nhầm, nộp thừa.

5. Thông tin tài khoản Kho bạc Nhà nước: Chọn tên cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận khoản thu trên danh mục cơ quan kho bạc nhà nước; đồng thời chọn tên ngân hàng uỷ nhiệm thu tương ứng với cơ quan kho bạc nhà nước đã được chọn trên danh mục do hệ thống cung cấp.

Cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận khoản thu ngân sách là cơ quan kho bạc nhà nước đồng cấp với cơ quan quản lý thu. Trường hợp cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận khoản thu không đồng cấp với cơ quan quản lý thu, cơ quan quản lý thu có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế biết để thực hiện chọn tên cơ quan kho bạc nhà nước phù hợp.

6. Thông tin nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): Chọn một trong các ô tương ứng với cơ quan ban hành là "Kiểm toán nhà nước", "Thanh tra Chính phủ", "Thanh tra Tài chính", "Cơ quan có thẩm quyền khác".

Trường hợp thực hiện nộp thuế theo quyết định của cơ quan thuế các cấp thì chọn ô "Cơ quan có thẩm quyền khác".

7. Thông tin tên cơ quan quản lý thu: Hệ thống sẽ tự động hiển thị tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Trường hợp khoản thu thuộc cơ quan thuế khác quản lý, người nộp thuế chọn lại tên cơ quan quản lý thu trong danh mục cơ quan thuế.

8. Thông tin về khoản nộp ngân sách nhà nước:

Người nộp truy vấn khoản phải nộp trên hệ thống nộp thuế điện tử và chọn một hoặc một số khoản nộp trong danh sách khoản nộp được hiển thị trên hệ thống. Người nộp thuế có thể sửa thông tin số tiền của từng khoản nộp.

Trường hợp phát sinh khoản nộp chưa có trong danh sách các khoản phải nộp hiển thị trên hệ thống, người nộp vào danh mục "Các khoản nộp ngân sách nhà nước" để chọn khoản nộp phù hợp và khai thông tin về số tiền nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp nộp thuế, tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, khoản nộp khác liên quan đến đăng ký tài sản, người nộp kê khai thêm thông tin trong ô nội dung khoản nộp ngân sách nhà nước như: địa chỉ căn nhà, lô đất; loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy.

Trường hợp nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền, người nộp kê khai thêm thông tin tên cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

9. Hoàn thành lập chứng từ nộp thuế: Người nộp thực hiện ký điện tử vào ít nhất 1 trong 3 vị trí của người nộp tiền/ kế toán trưởng/ thủ trưởng đơn vị và gửi giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước trên hệ thống nộp thuế điện tử.

Điều 7. Tiếp nhận và xử lý chứng từ nộp thuế điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

1. Tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của thông tin trên chứng từ nộp thuế điện tử, xác thực chữ ký điện tử của người nộp thuế và gửi thông báo (mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính) cho người nộp thuế để xác nhận đã nhận chứng từ nộp thuế của người nộp thuế hoặc thông báo lý do không nhận chứng từ nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế sử dụng dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong nộp thuế (T-VAN), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo xác nhận đã nhận chứng từ nộp thuế cho người nộp thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính).

Đối với chứng từ nộp thuế hợp lệ, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện ký điện tử bằng chữ ký điện tử của Tổng cục Thuế lên chứng từ nộp thuế điện tử và gửi đến hệ thống tác nghiệp của ngân hàng mà người nộp thuế đã lựa chọn khi lập chứng từ nộp thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận thông báo (mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính) về việc nộp thuế thành công hoặc nộp thuế chưa thành công,

kèm giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (nếu có) do hệ thống tác nghiệp của ngân hàng gửi đến và gửi vào tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế.

2. Tại ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản

Ngân hàng thực hiện kiểm tra thông tin trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và điều kiện trích nợ tài khoản của người nộp thuế và xử lý như sau:

- Trường hợp thông tin trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước không hợp lệ hoặc hợp lệ nhưng không đủ điều kiện trích nợ, hệ thống tác nghiệp của ngân hàng thực hiện ký điện tử trên thông báo về việc nộp thuế chưa thành công (mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính) và gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Trường hợp thông tin trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước hợp lệ, đủ điều kiện trích nợ, hệ thống tác nghiệp của ngân hàng thực hiện trích nợ tài khoản của người nộp thuế theo thông tin trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và ký điện tử trên thông báo về việc nộp thuế thành công (mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính), đồng thời gửi kèm giấy nộp tiền vào ngân sách (có chữ ký điện tử của ngân hàng) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Điều 8. Nộp thuế điện tử qua dịch vụ nộp thuế điện tử do ngân hàng cung cấp

1. Người nộp thuế lập chứng từ nộp thuế điện tử qua dịch vụ thanh toán điện tử do ngân hàng cung cấp (như: ATM, internet banking, mobile banking, POS hoặc hình thức thanh toán điện tử khác) theo hướng dẫn tại quy trình sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử của từng hệ thống ngân hàng.

2. Dịch vụ nộp thuế điện tử do ngân hàng cung cấp phải bảo đảm có đủ các thông tin từ khoản 1 đến khoản 8, Điều 6 Thông tư này.

Mục 2. Thủ tục nộp thuế tại quầy giao dịch của ngân hàng, cơ quan kho bạc nhà nước

Điều 9. Lập chứng từ nộp thuế tại quầy giao dịch của ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng uỷ nhiệm thu, cơ quan kho bạc nhà nước

1. Trường hợp nộp thuế tại quầy giao dịch của ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng uỷ nhiệm thu và nộp thuế bằng tiền mặt tại quầy giao dịch của cơ quan kho bạc nhà nước, người nộp tiền lập bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Thông tư này) như sau:

a) Thông tin về hình thức nộp thuế: Chọn tương ứng vào ô nộp thuế bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b) Thông tin loại tiền nộp thuế:

- Chọn ô "VND" trên chứng từ nộp tiền trong trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam.

- Chọn ô "USD" hoặc ghi thông tin loại ngoại tệ khác trên chứng từ nộp tiền trong trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng đồng Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ khác theo quy định của pháp luật.

c) Thông tin về người nộp thuế: Ghi đúng theo tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế theo thông tin về đăng ký thuế hoặc thông tin đăng ký doanh nghiệp.

d) Thông tin về người nộp thay: Ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ của người nộp thay trong trường hợp nộp thay.

đ) Thông tin ngân hàng/kho bạc nhà nước và tài khoản trích tiền nộp ngân sách nhà nước:

- Trường hợp nộp bằng chuyển khoản: Ghi tên ngân hàng mở tài khoản và số tài khoản của người nộp tiền.

- Trường hợp nộp bằng tiền mặt: Chỉ ghi tên ngân hàng/ kho bạc nhà nước nơi người nộp tiền thực hiện giao dịch và không phải ghi số tài khoản.

e) Thông tin nộp ngân sách nhà nước:

Người nộp thuế chọn "TK thu NSNN" hoặc "TK thu hồi hoàn thuế GTGT" như sau:

- Đánh dấu vào ô "TK thu NSNN" khi nộp các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt hoặc các khoản nộp khác vào ngân sách nhà nước.

- Đánh dấu vào ô "TK thu hồi hoàn thuế GTGT" khi nộp trả lại ngân sách nhà nước số tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc người nộp thuế tự phát hiện đã được hoàn sai so với quy định; không bao gồm nộp trả lại số tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo trường hợp nộp nhầm, nộp thừa.

g) Thông tin tài khoản kho bạc nhà nước: Ghi tên cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận khoản thu ngân sách.

Cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận khoản thu ngân sách là cơ quan kho bạc nhà nước đồng cấp với cơ quan quản lý thu. Trường hợp cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận khoản thu không đồng cấp với cơ quan quản lý thu, cơ quan quản lý thu có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế biết để chọn cơ quan kho bạc nhà nước phù hợp.

h) Thông tin nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: chọn một trong các ô tương ứng với cơ quan ban hành là "Kiểm toán Nhà nước", "Thanh tra Chính phủ", "Thanh tra Tài chính", "Cơ quan có thẩm quyền khác".

Trường hợp thực hiện nộp thuế theo quyết định của cơ quan thuế các cấp thì chọn ô "Cơ quan có thẩm quyền khác".

i) Thông tin tên cơ quan quản lý thu: Ghi tên cơ quan quản lý thu phù hợp với khoản nộp ngân sách.

Cơ quan quản lý thu là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Trường hợp một số khoản thu có cơ quan quản lý thu khác với cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế (như: người nộp thuế khai tại trụ sở chính nhưng nộp tại tỉnh/thành phố khác nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế) thì cơ quan quản lý thu có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế biết để chọn cơ quan quản lý thu phù hợp.

k) Thông tin trong bảng về khoản nộp ngân sách nhà nước.

k1) Thông tin về số tờ khai/số quyết định/số thông báo tương ứng với từng khoản nộp:

- Đối với khoản nộp theo quyết định/thông báo của cơ quan có thẩm quyền, người nộp thuế ghi rõ số và ký hiệu của quyết định/ thông báo (ví dụ như 123/QĐ-CT, 67/TB-CCT).

- Đối với khoản nộp theo hình thức tự khai tự nộp, người nộp thuế không phải ghi thông tin vào cột này.

k2) Thông tin kỳ thuế/ ngày quyết định/ ngày thông báo: Ghi tương ứng với từng khoản nộp theo định dạng như sau:

- Nộp thuế theo lần phát sinh: DD/MM/YYYY (ghi theo ngày nộp hồ sơ thuế);

- Nộp thuế theo tháng: 00/MM/YYYY;

- Nộp thuế theo quý: 00/Qx/YYYY;

- Nộp thuế theo kỳ nộp trong năm: 00/Kx/YYYY;

- Nộp thuế theo năm: 00/CN/YYYY;

- Nộp thuế theo quyết toán năm: 00/QT/YYYY;

- Nộp thuế theo quyết định/ thông báo: DD/MM/YYYY (ghi theo ngày trên quyết định/ thông báo).

Ví dụ:

- Nộp thuế giá trị gia tăng cho tờ khai kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh ngày 15/1/2016, kỳ thuế được ghi là 15/01/2016.

- Nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho tờ khai kỳ tính thuế tháng 1/2016, kỳ thuế được ghi là 00/01/2016.

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý I/2016, kỳ thuế được ghi là 00/Q1/2016.

- Nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cho kỳ thứ nhất của năm 2016, kỳ thuế được ghi là 00/K1/2016.

- Nộp lệ phí môn bài năm 2017, kỳ thuế được ghi là 00/CN/2017.

- Nộp thuế thu nhập cá nhân quyết toán năm 2016, kỳ thuế được ghi là 00/QT/2016.

k3) Thông tin nội dung khoản nộp ngân sách nhà nước, người nộp thuế ghi rõ tên của từng loại thuế, khoản nộp như:

- Thuế GTGT từ hoạt động kinh doanh trong nước.

- Thuế GTGT từ hoạt động xổ số kiến thiết.

- Thuế TNDN từ hoạt động dầu khí theo hiệp định, hợp đồng.

- Thuế TTĐB từ sản xuất thuốc lá.

- Thuế TTĐB từ ô tô nhập khẩu bán trong nước.

- Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

- Thuế TNCN từ hoạt động đầu tư vốn.

Trường hợp nộp thuế, tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, khoản nộp khác liên quan đến đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, người nộp thuế kê khai thêm thông tin theo đặc điểm của từng loại tài sản trong ô nội dung khoản nộp ngân sách nhà nước như: địa chỉ căn nhà, lô đất; loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy.

Trường hợp người nộp thuế nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền thì người nộp thuế kê khai thêm thông tin tên cơ quan có thẩm quyền ra văn bản.

k4) Trường hợp tổ chức ủy nhiệm thu thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với số tiền đã thu của người nộp thuế thì người nộp ghi thông tin số và mã hiệu bảng kê biên lai thu vào cột "Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo", ngày lập bảng kê biên lai thu vào cột "Kỳ thuế", tên loại thuế vào cột "Nội dung khoản nộp NSNN".

l) Thông tin số tiền bằng số và bằng chữ: Ghi theo số tiền thực nộp phù hợp với loại tiền đã chọn là VND hoặc USD hoặc loại ngoại tệ khác.

m) Thông tin người nộp tiền:

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp theo hình thức chuyển khoản: Ký, ghi rõ họ tên của kế toán trưởng (nếu có); ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu lên tên thủ trưởng đơn vị (đồng thời là chủ tài khoản trích tiền nộp thuế).

Trường hợp cá nhân nộp theo hình thức chuyển khoản: Ký, ghi rõ họ tên của người nộp tiền là chủ tài khoản; để trống tiêu chí Kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp nộp tiền mặt: Ký, ghi rõ họ tên của người nộp tiền, để trống tiêu chí Kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị.

2. Trường hợp nộp ngân sách nhà nước bằng hình thức chuyển khoản tại quầy giao dịch của cơ quan kho bạc nhà nước:

a) Chứng từ sử dụng:

a1) Trường hợp đề nghị cơ quan kho bạc nhà nước trích tài khoản dự toán để nộp thuế: Chứng từ sử dụng là giấy rút dự toán ngân sách (mẫu số C2-02/NS) đối với dự toán kinh phí thường xuyên, giấy rút vốn đầu tư (mẫu số C3-01/NS) đối với dự toán kinh phí đầu tư theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

a2) Trường hợp đề nghị cơ quan kho bạc nhà nước trích tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi (ví dụ như: tài khoản tạm thu, tạm giữ) mở tại cơ quan kho bạc nhà nước để nộp thuế (không bao gồm tài khoản dự toán nêu tại điểm a1 khoản 2 Điều này): Chứng từ sử dụng là Ủy nhiệm chi (mẫu số C4-02/KB ban hành kèm theo Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

b) Nội dung, phương pháp ghi chép và quy trình luân chuyển chứng từ: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong một số trường hợp, thông tin được ghi trên chứng từ cụ thể như sau:

- Trường hợp nộp thuế và thu nội địa, người nộp kê khai thông tin tên khoản nộp, kỳ thuế tại cột "Nội dung thanh toán".

- Trường hợp nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền, người nộp kê khai thông tin số, ký hiệu, ngày văn bản, tên cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản, tên khoản nộp tại cột "Nội dung thanh toán".

- Trường hợp nộp thuế, tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, khoản nộp khác liên quan đến đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, người nộp thuế kê khai thêm thông tin theo đặc điểm của từng loại tài sản như: địa chỉ căn nhà, lô đất; loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy tại cột "Nội dung thanh toán".

-Trường hợp nộp vào tài khoản thu hồi hoàn thuế giá trị gia tăng, người nộp kê khai thông tin "Tài khoản thu hồi hoàn thuế giá trị gia tăng" tại chỉ tiêu "Đơn vị nhận tiền" của mục "Thanh toán cho đơn vị hưởng".

Điều 10. Quy trình thu nộp thuế tại quầy giao dịch của ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng uỷ nhiệm thu, cơ quan kho bạc nhà nước

1. Người nộp thuế lập 01 (một) liên bảng kê nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư này, gửi ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước (trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt trực tiếp tại cơ quan kho bạc nhà nước).

2. Trường hợp nộp thuế theo quyết định/ thông báo của cơ quan thuế, người nộp thuế có thể thay thế việc lập bảng kê nộp thuế bằng việc nộp bản

quyết định/ thông báo gửi ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước nơi người nộp thuế thực hiện giao dịch. Ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước căn cứ thông tin trên quyết định/thông báo của cơ quan thuế để làm thủ tục thu thuế, cấp giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (mẫu số C1- 02/NS ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế. Quyết định/thông báo của cơ quan thuế được lưu cùng giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước tại ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước.

3. Căn cứ bảng kê nộp thuế do người nộp thuế lập hoặc quyết định, thông báo của cơ quan thuế, ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước nhập thông tin mã số thuế vào chương trình thu thuế của ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước để truy xuất trên ứng dụng hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế dữ liệu về người nộp thuế và dữ liệu về khoản thuế.

a) Trường hợp sai khác về thông tin tên người nộp thuế, mã số thuế thì ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước đề nghị người nộp thuế kê khai lại cho khớp đúng với thông tin có trong dữ liệu của ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước.

Trường hợp tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế không có thông tin của người nộp thuế, ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước sử dụng mã số thuế tạm "0106680443", đồng thời ghi mã số thuế do người nộp thuế khai báo trên bảng kê nộp thuế vào cuối phần tên người nộp thuế để phục vụ tra soát.

Trường hợp sai khác về thông tin địa chỉ: Ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước ghi nhận theo thông tin của người nộp thuế và hướng dẫn người nộp thuế thông báo lại địa chỉ mới với cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

b) Trường hợp sai khác các thông tin liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước như tên khoản nộp (người nộp thuế kê khai tại cột "Nội dung khoản nộp NSNN" trên bảng kê nộp thuế), số tiền: Ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước ghi nhận theo thông tin của người nộp thuế.

Để bảo đảm cho việc hoàn thiện thông tin của các khoản nộp ngân sách nhà nước, ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện đối chiếu tên các khoản nộp trong bảng kê nộp thuế với danh mục tên các khoản nộp trong danh mục mã tiểu mục, trường hợp phát hiện thông tin sai khác và không có khả năng kết nối giữa khoản nộp với mã tiểu mục của mục lục ngân sách nhà nước thì ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước đề nghị người nộp thuế xác nhận hoặc giải thích lại nội dung khoản nộp và điều chỉnh, bổ sung thông tin trong bảng kê nộp thuế để ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước ghi nhận đúng nội dung khoản nộp.

c) Đối với các thông tin khác thông tin hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này, ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước ghi nhận theo kê khai của người nộp thuế trên bảng kê nộp thuế.

4. Ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước đối chiếu số dư tài khoản trích tiền nộp thuế hoặc số tiền mặt nộp trực tiếp. Nếu đủ số tiền để thực hiện nộp thuế, ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện trích tiền từ tài khoản hoặc thu tiền mặt, hoàn thiện chứng từ nộp thuế và cấp cho người nộp thuế 01 (một) liên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (mẫu số C1-02/NS ban hành kèm theo Thông tư này). Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cấp cho người nộp thuế phải có đầy đủ thông tin người nộp thuế đã kê khai trên bảng kê nộp thuế hoặc thông tin trên quyết định/ thông báo của cơ quan thuế; thông tin ngày nộp thuế; chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt chứng từ nộp thuế.

Trường hợp số tiền trên tài khoản hoặc số tiền mặt của người nộp thuế nhỏ hơn số tiền ghi trên bảng kê nộp thuế thì ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước thông báo cho người nộp thuế biết để lập lại bảng kê nộp thuế với số tiền nộp phù hợp với số tiền trong tài khoản hoặc tiền mặt hiện có của người nộp thuế.

5. Trường hợp người nộp thuế đề nghị cơ quan kho bạc nhà nước trích tài khoản của người nộp thuế mở tại kho bạc nhà nước để nộp thuế, người nộp thuế lập chứng từ theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này. Căn cứ mã số thuế trên chứng từ do người nộp thuế lập, cơ quan kho bạc nhà nước truy xuất dữ liệu về người nộp thuế và dữ liệu về khoản thuế trên chương trình thu thuế của Kho bạc Nhà nước hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp sai khác về thông tin tên người nộp thuế, mã số thuế, số tiền, các thông tin khác: Cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Đối với các nội dung khác, cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện theo hướng dẫn về phương pháp ghi chép và quy trình luân chuyển chứng từ tại Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 11. Quy trình thu nộp thuế tại quầy giao dịch của ngân hàng chưa phối hợp thu

1. Người nộp thuế lập chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo mẫu chứng từ giao dịch của ngân hàng, trong đó ghi đầy đủ các thông tin về người nộp thuế (tên, mã số thuế), cơ quan kho bạc nhà nước nơi nhận khoản thu ngân sách nhà nước (tên cơ quan kho bạc nhà nước, tên tài khoản thu, tên ngân hàng uỷ nhiệm thu), chi tiết nội dung khoản nộp ngân sách nhà nước.

2. Ngân hàng đối chiếu số dư tài khoản trích tiền nộp thuế hoặc số tiền mặt nộp trực tiếp. Nếu đủ số tiền để nộp thuế, ngân hàng thực hiện trích tiền từ tài khoản hoặc thu tiền mặt, hoàn thiện chứng từ nộp thuế và cấp cho người nộp thuế 01 (một) liên chứng từ giao dịch. Chứng từ cấp cho người nộp thuế phải có

đầy đủ thông tin người nộp thuế đã kê khai; thông tin ngày nộp thuế; chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt chứng từ giao dịch.

Trường hợp số tiền trên tài khoản hoặc số tiền mặt của người nộp thuế nhỏ hơn số tiền ghi trên chứng từ do người nộp thuế kê khai thì ngân hàng thông báo cho người nộp thuế biết để lập lại chứng từ giao dịch với số tiền nộp phù hợp với số tiền trong tài khoản hoặc tiền mặt hiện có của người nộp thuế.

Mục 3. Xử lý thông tin thu nộp, chuyển tiền vào tài khoản thu ngân sách nhà nước

Điều 12. Xử lý thông tin thu nộp và chuyển tiền thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại ngân hàng chưa phối hợp thu

1. Ngân hàng chưa phối hợp thu có trách nhiệm chuyển đầy đủ, chính xác thông tin do người nộp thuế kê khai trên chứng từ nộp thuế sang ngân hàng uỷ nhiệm thu thông qua các kênh thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Thông tin của từng chứng từ nộp thuế phải bao gồm:

(1) Tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế.

(2) Tài khoản thu ngân sách nhà nước hoặc Tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT.

(3) Tên Kho bạc Nhà nước nơi nhận khoản thu ngân sách nhà nước.

(4) Tên cơ quan quản lý thu.

(5) Thông tin liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước:

- Số và ngày quyết định, số và ngày thông báo, tên cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thông báo đối với khoản nộp;

- Kỳ thuế; tên loại thuế, tên khoản nộp; địa chỉ căn nhà, lô đất (nếu có); loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ôtô, xe máy (nếu có).

(6) Số tiền chi tiết của từng khoản nộp ghi nhận theo tiền VND hoặc ngoại tệ và tỷ giá.

(7) Ngày nộp thuế.

Ngoài 07 (bảy) loại thông tin bắt buộc nêu trên, ngân hàng chưa phối hợp thu có thể truyền các thông tin khác liên quan đến chứng từ nộp tiền phù hợp với nghiệp vụ thanh toán liên ngân hàng.

Ngân hàng chưa phối hợp thu không phải xác định thông tin mã chương, mã tiểu mục và mã tài khoản thu ngân sách theo nội dung khoản nộp trên chứng từ chuyển tiền.

2. Ngân hàng chưa phối hợp thu có trách nhiệm chuyển số tiền người nộp thuế đã nộp vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng uỷ nhiệm thu và truyền thông tin người nộp thuế như sau:

a) Hạch toán và truyền thông tin nộp thuế cho ngân hàng ủy nhiệm thu ngay trong ngày làm việc đối với giao dịch nộp thuế thực hiện trong giờ làm việc của ngày làm việc đó.

b) Hạch toán và truyền thông tin nộp thuế cho ngân hàng ủy nhiệm thu chậm nhất là 9 giờ sáng ngày làm việc tiếp theo đối với giao dịch nộp thuế thực hiện sau giờ làm việc hoặc trong các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Đối với ngày cuối năm, ngân hàng chưa phối hợp thu có trách nhiệm phối hợp với ngân hàng uỷ nhiệm thu để đảm bảo việc hạch toán số liệu khớp đúng ngay trong ngày cuối năm.

Điều 13. Xử lý thông tin thu nộp và chuyển tiền thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại ngân hàng phối hợp thu

1. Ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung thông tin chứng từ nộp thuế trên hệ thống phối hợp thu ngân sách theo thông tin tại danh mục dùng chung, dữ liệu về người nộp thuế và dữ liệu về khoản thuế được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Các thông tin cần bổ sung, hoàn thiện bao gồm:

a) Bổ sung mã cơ quan kho bạc nhà nước nơi nhận khoản thu ngân sách nhà nước

Ngân hàng căn cứ tên cơ quan kho bạc nhà nước do người nộp thuế kê khai trên chứng từ nộp thuế và danh mục kho bạc nhà nước trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện bổ sung mã cơ quan kho bạc nhà nước.

b) Bổ sung mã cơ quan quản lý thu

Ngân hàng căn cứ tên cơ quan quản lý thu do người nộp thuế kê khai trên chứng từ nộp thuế hoặc dữ liệu về khoản thuế và danh mục cơ quan thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện bổ sung mã cơ quan quản lý thu.

c) Bổ sung mã tài khoản thu ngân sách

Ngân hàng căn cứ thông tin do người nộp thuế kê khai trên chứng từ nộp thuế hoặc dữ liệu về khoản thuế và danh mục mã tài khoản thu ngân sách nhà nước trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện bổ sung mã tài khoản thu ngân sách.

d) Bổ sung mã chương

Trường hợp người nộp thuế nộp đúng các khoản phải nộp đã có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp thuế, ngân hàng lấy theo mã chương trong dữ liệu về khoản thuế.

Trường hợp người nộp thuế nộp các khoản chưa có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp thuế, ngân hàng lấy mã chương của khoản nộp là mã chương của người nộp thuế trong dữ liệu về người nộp thuế.

Trường hợp nộp các khoản thuế thu nhập cá nhân chưa có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp thuế, ngân hàng bổ sung mã chương của khoản nộp là "557" tương ứng với cơ quan quản lý thu là Cục Thuế, bổ sung mã chương của khoản nộp là "757" tương ứng với cơ quan quản lý thu là Chi cục Thuế.

Trường hợp nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp thuế, ngân hàng bổ sung mã chương của khoản nộp là "026" đối với thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bổ sung mã chương của khoản nộp là "426" đối với thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

Sau khi đã thực hiện các trường hợp nêu trên mà chưa xác định được mã chương, ngân hàng sử dụng mã chương tạm "999" để bổ sung thông tin mã chương cho khoản nộp.

đ) Bổ sung mã tiểu mục

Trường hợp người nộp thuế nộp đúng các khoản phải nộp đã có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp thuế, ngân hàng lấy theo mã tiểu mục trong dữ liệu về khoản thuế.

Trường hợp người nộp thuế nộp các khoản chưa có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp thuế, ngân hàng căn cứ nội dung các khoản nộp ngân sách do người nộp thuế kê khai và danh mục mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục) trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để xác định mã tiểu mục tương ứng.

Sau khi đã thực hiện các trường hợp nêu trên mà chưa xác định được mã tiểu mục, ngân hàng sử đụng mã Tiểu mục tạm "9999" để bổ sung thông tin mã tiểu mục cho khoản nộp.

2. Ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm chuyển đầy đủ, chính xác thông tin do người nộp thuế kê khai trên chứng từ nộp thuế và thông tin bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này sang ngân hàng uỷ nhiệm thu. Thông tin của từng chứng từ nộp thuế phải bao gồm:

(1) Tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế.

(2) Tài khoản thu ngân sách nhà nước, hoặc Tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT.

(3) Tên Kho bạc Nhà nước nơi nhận khoản thu ngân sách nhà nước.

(4) Mã và tên cơ quan quản lý thu.

(5) Thông tin liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước:

- Số và ngày quyết định, số và ngày thông báo, tên cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thông báo đối với khoản nộp.

- Kỳ thuế; tên loại thuế, tên khoản nộp; địa chỉ căn nhà, lô đất (nếu có); loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ôtô, xe máy (nếu có); mã chương, mã tiểu mục của từng loại thuế, khoản nộp.

- Mã chương, mã tiểu mục của từng loại thuế, khoản nộp.

(6) Số tiền chi tiết của từng khoản nộp ghi nhận theo tiền VND hoặc ngoại tệ và tỷ giá.

(7) Ngày nộp thuế.

Ngoài 07 (bảy) loại thông tin bắt buộc nêu trên, ngân hàng phối hợp thu có thể truyền các thông tin khác liên quan đến chứng từ nộp tiền phù hợp với nghiệp vụ thanh toán liên ngân hàng.

3. Ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm chuyển số tiền người nộp thuế đã nộp vào tài khoản thu ngân sách của cơ quan kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng uỷ nhiệm thu và truyền thông tin nộp thuế như sau:

a) Hạch toán và truyền thông tin nộp thuế cho ngân hàng ủy nhiệm thu ngay trong ngày làm việc đối với giao dịch nộp thuế thực hiện trong giờ làm việc của ngày làm việc đó.

b) Hạch toán và truyền thông tin nộp thuế cho ngân hàng ủy nhiệm thu chậm nhất là 9 giờ sáng ngày làm việc tiếp theo đối với giao dịch nộp thuế thực hiện sau giờ làm việc hoặc trong các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Đối với ngày cuối năm, ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm phối hợp với ngân hàng uỷ nhiệm thu để đảm bảo việc hạch toán số liệu khớp đúng ngay trong ngày cuối năm.

Điều 14. Xử lý thông tin thu nộp và chuyển tiền thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại ngân hàng uỷ nhiệm thu

1. Ngân hàng uỷ nhiệm thu hoàn thiện thông tin thu nộp ngân sách như sau:

a) Đối với giao dịch nộp tiền vào ngân sách nhà nước do người nộp thuế thực hiện trực tiếp với ngân hàng uỷ nhiệm thu, ngân hàng hoàn thiện thông tin thu nộp ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

b) Đối với giao dịch nộp tiền vào ngân sách nhà nước do ngân hàng khác chuyển sang, ngân hàng uỷ nhiệm thu thực hiện:

- Kiểm tra các thông tin về khoản nộp ngân sách. Nếu thiếu hoặc sai khác một trong các thông tin theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này hoặc sai khác về thông tin chuyển tiền so với số tiền chuyển vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước thì ngân hàng uỷ nhiệm thu gửi thư tra soát với ngân hàng chuyển tiền để bổ sung, điều chỉnh thông tin cho phù hợp.

- Bổ sung thông tin đối với các khoản thu do ngân hàng chưa phối hợp thu chuyển sang, bao gồm: Mã cơ quan kho bạc nhà nước nhận khoản thu, mã cơ quan quản lý thu, mã tài khoản thu ngân sách, mã chương, mã tiểu mục theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

2. Ngân hàng uỷ nhiệm thu hạch toán chuyển tiền vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước và truyền thông tin thu nộp ngân sách nhà nước sang cơ quan kho bạc nhà nước như sau:

a) Đối với giao dịch nộp thuế hoặc giao dịch chuyển tiền trước giờ "cut off time" của ngày làm việc, ngân hàng hạch toán số tiền vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước ngay tại thời điểm phát sinh thực tế và truyền thông tin nộp ngân sách nhà nước sang cơ quan kho bạc nhà nước trong ngày làm việc.

b) Đối với giao dịch nộp thuế hoặc giao dịch chuyển tiền sau giờ "cut off time" của ngày làm việc hoặc trong ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, ngân hàng hạch toán số tiền vào tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước ngay tại thời điểm phát sinh thực tế và truyền thông tin nộp ngân sách nhà nước sang cơ quan kho bạc nhà nước chậm nhất là 9 giờ sáng ngày làm việc tiếp theo.

c) Đối với ngày cuối năm, ngân hàng uỷ nhiệm thu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kho bạc nhà nước để bảo đảm việc hạch toán số liệu khớp đúng ngay trong ngày cuối năm.

d) Nội dung thông tin thu nộp ngân sách chuyển sang cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Điều 15. Xử lý thông tin thu nộp ngân sách nhà nước tại cơ quan kho bạc nhà nước

1. Đối với các khoản nộp ngân sách nhà nước thực hiện tại quầy giao dịch của cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện:

a) Hoàn thiện thông tin thu nộp ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này đối với trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt, hoặc theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này dối với trường hợp đề nghị trích tài khoản của người nộp thuế mở tại cơ quan kho bạc nhà nước để nộp thuế.

b) Hạch toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu ngân sách hoặc tài khoản tương ứng theo quy định.

2. Đối với thông tin và số tiền do ngân hàng uỷ nhiệm thu chuyển sang, cơ quan kho bạc nhà nước thực hiện kiểm tra các thông tin về khoản nộp ngân sách nhà nước. Nếu thiếu một trong các thông tin theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này thì cơ quan kho bạc nhà nước gửi thư tra soát với ngân hàng uỷ nhiệm thu để bổ sung, điều chỉnh thông tin cho phù hợp.

3. Cơ quan kho bạc nhà nước tập hợp thông tin thu nộp ngân sách nhà nước để truyền sang cơ quan thuế bảng kê chứng từ nộp ngân sách nhà nước (mẫu số 04/BK-CTNNS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/03/2014 của Bộ Tài chính) bằng phương thức điện tử chậm nhất là 10 giờ sáng ngày làm việc tiếp theo.

Nội dung từng khoản nộp ngân sách nhà nước truyền sang cơ quan thuế phải bảo đảm đầy đủ các thông tin sau:

(1) Tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế.

(2) Tài khoản thu ngân sách nhà nước hoặc Tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT.

(3) Cặp tài khoản kế toán ngân sách nhà nước hạch toán Nợ/ Có đối với khoản thu.

(4) Số và ngày quyết định, số và ngày thông báo, tên cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thông báo đối với khoản nộp.

(5) Kỳ thuế; tên loại thuế, tên khoản nộp; địa chỉ căn nhà, lô đất (nếu có); loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ôtô, xe máy (nếu có); mã chương, mã tiểu mục của từng loại thuế, khoản nộp.

(6) Số tiền, loại tiền VND hoặc ngoại tệ (nguyên tệ và tỷ giá).

(7) Ngày nộp thuế.

4. Cơ quan kho bạc nhà nước nơi hạch toán khoản thu có trách nhiệm truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách nhà nước (mẫu số 04/BK-CTNNS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/03/2014 của Bộ Tài chính) cho các cơ quan quản lý thu tương ứng với thông tin kê khai trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước.

5. Đối với các khoản thu nội địa không do cơ quan thuế quản lý thu, cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm tập hợp riêng theo từng cơ quan quản lý khoản thu trên bảng kê chứng từ nộp ngân sách nhà nước (mẫu số 04/BK-CTNNS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/03/2014 của Bộ Tài chính) và chuyển sang cơ quan thuế đồng cấp để cơ quan thuế hạch toán số thu nội địa trên địa bàn.

Điều 16. Tiếp nhận, xử lý thông tin thu nộp ngân sách nhà nước tại cơ quan thuế

1. Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin thu nộp ngân sách từ cơ quan kho bạc nhà nước chuyển sang, kiểm tra chữ ký điện tử và thông tin chi tiết trên bảng kê chứng từ nộp ngân sách nhà nước, tiếp nhận vào hệ thống ứng dụng quản lý thuế để hạch toán số thu ngân sách và số đã nộp của người nộp thuế.

2. Cơ quan thuế thực hiện tra soát, xử lý sai sót và điều chỉnh thông tin các khoản thu nộp ngân sách nhà nước với cơ quan kho bạc nhà nước, người nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 17 Thông tư này.

3. Định kỳ ngày 15 hàng tháng hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày 15 là ngày nghỉ theo quy định của pháp luật về lao động, cơ quan thuế thông báo các khoản nộp ngân sách trong tháng trước đã được ghi nhận trong hệ thống quản lý thuế cho người nộp thuế qua tài khoản giao dịch thuế điện tử do Tổng cục Thuế cấp cho người nộp thuế.

Điều 17. Xử lý sai sót, tra soát, điều chỉnh thông tin thu nộp thuế

1. Nguyên tắc xử lý sai sót

a) Sai sót phát sinh hoặc được phát hiện tại đơn vị nào thì đơn vị đó phải chủ động xác định nguyên nhân sai sót, khắc phục hậu quả, đồng thời gửi văn bản tra soát hoặc thông báo đến các đơn vị liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

Việc xử lý sai sót phải được thực hiện ngay trong ngày phát hiện sai sót, trường hợp đã hết thời gian điều chỉnh trong ngày thì chậm nhất phải xử lý trong ngày làm việc tiếp theo ngày phát hiện sai sót.

b) Các khoản tiền chuyển thừa, chuyển thiếu được xử lý theo quy định về xử lý sai sót trong thanh toán của ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

c) Trường hợp phát sinh sai sót thông tin trong hạch toán thu nộp ngân sách nhà nước, ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước không được hoàn lại tiền cho người nộp thuế. Ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm thực hiện tra soát, hoàn thiện thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định xử lý sai sót trong thanh toán, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc ghi nhận các khoản nộp ngân sách cho người nộp thuế.

d) Trường hợp thông tin thu nộp ngân sách nhà nước đã được cơ quan kho bạc nhà nước truyền sang cơ quan thuế, thông tin điều chỉnh chứng từ hoặc trả lại chứng từ có liên quan đều phải truyền cho cơ quan thuế để theo dõi, xử lý điều chỉnh cho phù hợp.

đ) Trường hợp người nộp thuế thực hiện trùng giao dịch nộp thuế điện tử từ 02 (hai) lần trở lên cho 01 (một) khoản nộp trong một ngày thì người nộp thuế liên hệ với ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước phục vụ người nộp thuế để đề nghị điều chỉnh lại còn một lần nộp thuế. Trường hợp số thuế của giao dịch trùng đã được hạch toán nộp vào ngân sách nhà nước, người nộp thuế được lựa chọn để số tiền đó nộp cho các khoản nghĩa vụ còn phải nộp hoặc đề nghị hoàn theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

e) Việc tra soát liên quan đến điều chỉnh thông tin đã được cơ quan kho bạc nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước thực hiện như sau:

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện sai sót, cơ quan thuế lập giấy đề nghị điều chỉnh thu ngân sách nhà nước (mẫu số C1-07/NS ban hành kèm theo Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện điều chỉnh.

- Trường hợp cơ quan kho bạc nhà nước phát hiện sai sót, cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và gửi thông báo sang cơ quan thuế để cơ quan thuế điều chỉnh thông tin thu nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm lập thư tra soát đối với các khoản đã hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan thuế để cơ quan thuế bổ sung thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước.

- Trường hợp tra soát với người nộp thuế, các cơ quan phát hiện sai sót sử dụng thư tra soát (mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư này).

g) Ngân hàng, cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết nội dung tra soát trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị tra soát hoặc điều chỉnh.

2. Thực hiện tra soát và điều chỉnh thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước

a) Đối với người nộp thuế

Trường hợp người nộp thuế phát hiện khai không chính xác các thông tin trên chứng từ nộp thuế, người nộp thuế phối hợp với ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước phục vụ người nộp thuế để xử lý sai sót trong việc nộp tiền vào ngân sách.

Trường hợp người nộp thuế phát hiện sai sót liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước đã được cơ quan thuế hạch toán và thông báo, người nộp thuế lập thư tra soát (mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo chứng từ nộp thuế hoặc thông tin liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh sai sót gửi cơ quan thuế.

b) Đối với ngân hàng chưa phối hợp thu hoặc ngân hàng phối hợp thu

Khi nhận được thư tra soát từ người nộp thuế, ngân hàng chưa phối hợp thu hoặc ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót theo quy định về xử lý sai sót trong thanh toán. Trường hợp đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách sang ngân hàng uỷ nhiệm thu, nếu phát hiện sai sót thì ngân hàng chưa phối hợp thu hoặc ngân hàng phối hợp thu lập thư tra soát với ngân hàng ủy nhiệm thu để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót theo quy trình thanh toán giữa các ngân hàng.

c) Đối với ngân hàng ủy nhiệm thu

Khi nhận được thư tra soát từ ngân hàng chưa phối hợp thu hoặc từ ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng hàng ủy nhiệm thu có trách nhiệm thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót theo quy định về xử lý sai sót trong thanh toán; đồng

thời gửi thông tin đã điều chỉnh cho cơ quan kho bạc nhà nước (nếu chứng từ đã được truyền sang cơ quan kho bạc nhà nước) để điều chỉnh sai sót liên quan đến hạch toán khoản nộp tại cơ quan kho bạc nhà nước.

Trường hợp chuyển thừa tiền (so với số tiền khách hàng nộp), ngân hàng gửi thư tra soát sang cơ quan kho bạc nhà nước. Căn cứ nội dung tra soát của ngân hàng, cơ quan kho bạc nhà nước trả lại tiền thừa cho ngân hàng. Trường hợp chuyển thiếu tiền, ngân hàng thực hiện chuyển bổ sung cho đủ số tiền phải nộp ngân sách nhà nước về tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước, bảo đảm các thông tin hạch toán khớp đúng thông tin đã hạch toán trước đó.

d) Đối với cơ quan kho bạc nhà nước

Khi đã hạch toán thu ngân sách nhà nước và chuyển thông tin thu ngân sách nhà nước sang cơ quan thuế, nếu phát hiện sai sót thì cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và gửi thông báo sang cơ quan thuế để cơ quan thuế điều chỉnh thông tin quản lý.

Khi nhận được thư tra soát từ người nộp thuế/ cơ quan thuế/ ngân hàng thì cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm tra soát, điều chỉnh thông tin và thông báo với các cơ quan liên quan để điều chỉnh thông tin thu nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm lập thư tra soát bằng phương thức điện tử đối với các khoản đã hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan thuế để cơ quan thuế bổ sung thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước.

đ) Đối với cơ quan thuế

Khi nhận được thư tra soát từ người nộp thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm tra soát thông tin thu nộp và lập giấy đề nghị điều chỉnh thu ngân sách nhà nước (mẫu số C1-07/NS ban hành kèm theo Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) gửi cơ quan kho bạc nhà nước để thực hiện điều chỉnh; sau khi cơ quan kho bạc nhà nước đã điều chỉnh, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế biết.

Khi nhận được đề nghị tra soát của cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan thuế có trách nhiệm xác nhận hoặc bổ sung thông tin hạch toán thu ngân sách gửi cơ quan kho bạc nhà nước để làm căn cứ điều chỉnh thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước tại cơ quan kho bạc nhà nước.

Căn cứ thông tin tra soát, xác nhận, điều chỉnh của ngân hàng hoặc cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan thuế điều chỉnh số tiền chậm nộp phù hợp với ngày nộp thuế thực tế phát sinh.

Điều 18. Cấp chứng từ nộp thuế phục hồi, xác nhận số thuế đã nộp

1. Trường hợp có nhu cầu cấp lại chứng từ đã nộp thuế thì người nộp thuế được cấp chứng từ nộp thuế phục hồi (mẫu số C1-02/PH ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc bản sao chứng từ nộp thuế.

Thủ tục cấp chứng từ nộp thuế phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp thuế được thực hiện theo quy định của ngân hàng hoặc cơ quan kho bạc nhà nước nơi thực hiện giao dịch nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

2. Ngân hàng, cơ quan kho bạc nhà nước đã thực hiện giao dịch trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế hoặc thu tiền thuế tại quầy giao dịch có trách nhiệm cấp chứng từ nộp thuế phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp thuế cho người nộp thuế.

Chứng từ nộp thuế phục hồi có giá trị pháp lý như chứng từ gốc. Đối với chứng từ nộp thuế phục hồi phải có đầy đủ các thông tin như chứng từ gốc và có ngày cấp chứng từ phục hồi, chữ ký, tên cán bộ đại diện, đóng dấu của ngân hàng/ Kho bạc Nhà nước nơi cấp chứng từ nộp thuế phục hồi theo quy định.

3. Trường hợp người nộp thuế có nhu cầu cần xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước, người nộp thuế lập giấy đề nghị xác nhận số nộp ngân sách nhà nước (mẫu số C1-10/NS ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cơ quan thuế. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, cơ quan thuế thực hiện cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước (mẫu số C1-10/NS ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu thu nộp do Kho bạc Nhà nước chuyển sang.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (mẫu số C1-02/NS), giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (mẫu số C1-03/NS), bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính).

3. Các thủ tục khác về thu, nộp ngân sách nhà nước không được hướng dẫn tại Thông tư này tiếp tục thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Người nộp thuế, cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ, nâng cấp các ứng dụng quản lý đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng hí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, thuộc CP, tổ chức tín dụng;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc BTC;
- Website Bộ Tài chính, Website Tổng cục Thuế, Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT; TCT (VT, KK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu số : 01/BKNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: .....

BẢNG KÊ NỘP THUẾ

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VND ☐ USD ☐ Khác:.....

Người nộp thuế: ..... Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

.....Quận/Huyện: .... Tỉnh, TP: .....

Người nộp thay: .....

Địa chỉ:..... .....

.....Quận/Huyện: ..... Tỉnh, TP: .....

Đề nghị NH/ KBNN:.....trích TK số: .....hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: .... Tỉnh, TP:.....

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: .....

STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo/	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung khoản nộp NSNN	Số tiền
			Tổng số tiền	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

.....

NGƯỜI NỘP TIỀN
Ngày... tháng... năm...
Người nộp tiền **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

NGÂN HÀNG/ KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thực hiện giao dịch

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số : C1-02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: .....

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VND ☐ USD ☐ Khác :.....

Số tham chiếu[1]:.....

Người nộp thuế: ..... Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

.....Quận/Huyện: ....Tỉnh, TP: .....

Người nộp thay: .....

Địa chỉ:....

.....Quận/Huyện: ..... Tỉnh, TP: .....

Đề nghị NH/ KBNN:.....trích TK số: ....hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: .... Tỉnh, TP:.....

Mở tại NH ủy nhiệm thu :..... ....

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: .....

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH uỷ nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu mục
			Tổng cộng				

Tổng số tiền ghi bằng chữ [2]:.....

.....

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu:..... Nợ TK: .....

Mã ĐBHC: ..... Có TK: .....

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền | Kế toán trưởng | Thủ trưởng đơn vị

NGÂN HÀNG/ KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ | Kế toán | Kế toán trưởng

(Ghi chức danh, ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp thuế điện tử: Người nộp tiền, Tổ chức T-VAN (nếu có), Tổng cục Thuế (nếu có), Ngân hàng/ Kho bạc Nhà nước thực hiện ký số; ghi tên; ngày, giờ

(1) Trường hợp nộp thuế điện tử từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, hệ thống tự động điền số tham chiếu để phục vụ công tác quản lý.

(2) Trường hợp nộp tiền bằng VND thì ghi bằng chữ theo tổng số tiền VND; Trường hợp nộp tiền bằng ngoại tệ thì ghi bằng chữ theo tổng số nguyên tệ và loại ngoại tệ.

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VND ☐ USD ☐ Khác :.....

Mẫu số : C1-02/PH
(ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: .....

Số tham chiếu[1]:.....

Người nộp thuế: ..... Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

.....Quận/Huyện: ....Tỉnh, TP: .....

Người nộp thay: .....

Địa chỉ:.... .....

.....Quận/Huyện: ..... Tỉnh, TP: .....

Đề nghị NH/ KBNN:.....trích TK số: .....hoặc thu tiền mặt để

để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: ..... Tỉnh, TP:.....

Mở tại NH ủy nhiệm thu :.....

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: .....

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH uỷ nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu mục
			Tổng cộng				

Tổng số tiền ghi bằng chữ[2]: .....

.....

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: ..... Nợ TK: .....

Mã ĐBHC: ..... Có TK: .....

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP TIỀN
Ngày... tháng... năm...
Người nộp tiền | Kế toán trưởng | Thủ trưởng đơn vị

NGÂN HÀNG/ KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ quỹ | Kế toán | Kế toán trưởng

CƠ QUAN CẤP CHỨNG TỪ PHỤC HỒI
Chức danh
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ.....

Mẫu số: C1-10/NS
(Ban hành theo Thông tư
số /2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP NSNN

Số: .....

Kính gửi: .....

I- THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN:

Người đề nghị xác nhận: .....

Địa chỉ: .....

Đề nghị cơ quan thuế: .....

Xác nhận số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước của : *<Tên người nộp thuế>*.....Mã số thuế:.....

Các thông tin cần xác nhận:

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng/KBNN thực hiện giao dịch nộp thuế	Nội dung nộp NSNN	Số tiền	Ghi chú
1						
2						
...						
...						
					Tổng cộng	
Các thông tin khác cần xác nhận:						

Ngày ..... tháng ..... năm ....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan/ người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

II- CƠ QUAN THUẾ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP NSNN **Mẫu C1-10/NS (tiếp)**

Cơ quan thuế xác nhận số thuế đã nộp tiền thuế vào NSNN của người nộp thuế: <*Tên người nộp thuế*>.....Mã số thuế:.....

Xác nhận đến ngày...../...../..... , kết quả như sau:

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng/KBNN thực hiện giao dịch nộp thuế	Nội dung nộp NSNN	Số tiền	Ghi chú
1						
2						
...						
...						
					Tổng cộng	
Các thông tin khác cần xác nhận:						

Ngày..... tháng ..... năm ...

CƠ QUAN THUẾ ...

Người đối chiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số : C1-11/NS
(Ban hành theo Thông tư số /2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ TRA SOÁT

Kính gửi:.....

Tên cá nhân/ đơn vị:.....Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....Quận/Huyện:.....Tỉnh,TP:.....
Thực hiện nộp tiền vào NSNN bằng hình thức:
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐ Nộp thuế điện tử ☐
Đã được NH/ KBNN:.....trích TK số (nếu có):.....
để nộp vào NSNN theo : TK thu NSNN ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
Số tiền :.....(Bằng chữ :.....
.....
vào tài khoản của KBNN :..... Tỉnh, TP :.....
mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu :.....
Ngày thực hiện giao dịch: ...../...../.....
Nội dung sai sót:.....
.....
.....
.....
Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....
.....
.....
.....
Đính kèm *(chứng từ/tài liệu)*:.....
Kính đề nghị:..... xem xét, giải quyết./.

....., ngày ... tháng... năm.....
CÁ NHÂN/ ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có)
hoặc (ký số, ghi họ tên)